TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 664/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 18 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 454/2023/HNST ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1984; địa chỉ: 5 H, Khu phố B, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Đặng Thị Huyền T, sinh năm 1991; địa chỉ: 5 H, Khu phố B, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Huyền T và ông Nguyễn Đức B tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2013, Quyển số 01/2012 đăng ký ngày 20/7/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang) nên đây là hôn nhân hợp pháp; do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục được giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa bà Đặng Thị Huyền T và ông Nguyễn Đức B đã không còn hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ; cả hai yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà T và ông B không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo được xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 194, Quyển số 01/2014 đăng ký ngày 03/9/2014 và Trích lục Bản sao khai sinh số 420/TLKS-BS ngày 29/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Nguyễn Đức B và bà Đặng Thị Huyền T. Các đương sự có 02 (hai) con chung là Nguyễn Đặng Bảo H (nữ), sinh ngày 22/7/2014 và Nguyễn Đặng Gia H1 (nữ), sinh ngày 22/7/2017.

Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao ông Nguyễn Đức B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Đặng Bảo H (nữ), sinh ngày 22/7/2014 và Nguyễn Đặng Gia H1 (nữ), sinh ngày 22/7/2017. Ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đặng Thị Huyền T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai là không có.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai là không có.

[5] Về lệ phí việc dân sự: ông Nguyễn Đức B và bà Đặng Thị Huyền T chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức B và bà Đặng Thị Huyền T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2013, Quyển số 01/2012 đăng ký ngày 20/7/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang).

1.2. Về con chung: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 194, Quyển số 01/2014 đăng ký ngày 03/9/2014 và Trích lục khai sinh (bản sao) số 420/TLKS-BS ngày 29/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Nguyễn Đức B và bà Đặng Thị Huyền T. Các đương sự có 02 (hai) con chung là Nguyễn Đặng Bảo H (nữ), sinh ngày 22/7/2014 và Nguyễn Đặng Gia H1 (nữ), sinh ngày 22/7/2017.

Giao ông Nguyễn Đức B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Đặng Bảo H (nữ), sinh ngày 22/7/2014 và Nguyễn Đặng Gia H1 (nữ), sinh ngày 22/7/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đặng Thị Huyền T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Huyền T và ông Nguyễn Đức B phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0037134 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông B đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong